

Cách làm dạng bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí trong đề thi THPTQG

1. Khái niệm:

Nghị luận về một tư tưởng đạo lí là kiểu bài nghị luận có nội dung bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, quan điểm nhân sinh (như các vấn đề về nhận thức về tâm hồn, nhân cách, về lối sống, cách ứng xử của con người...).

2. Dàn ý cơ bản cho đoạn văn nghị luận về tư tưởng, đạo lí:

* **Phần mở đoạn:** Phần này yêu cầu thí sinh phải giới thiệu khái quát được tư tưởng đạo lí cần bàn luận (nêu ý chính hoặc dẫn câu nói có chứa tư tưởng đạo lí cần bàn luận - nếu đề có ý kiến được để trong ngoặc kép). Và để đảm bảo yêu cầu về hình thức, phần mở đoạn của đoạn văn nghị luận xã hội chỉ nên giới hạn trong khoảng 2 đến 3 câu văn.

* **Phần thân đoạn:** Để xây dựng phần thân đoạn cho một đoạn văn nghị luận về một tư tưởng đạo lí, thí sinh cần tiến hành những thao tác sau:

- Thứ nhất: *giải thích rõ nội dung tư tưởng đạo lí* (giải thích từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm, cụm từ khóa...), rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng đạo lí, quan điểm của tác giả gửi ở câu nói (nếu tư tưởng đạo lí được thể hiện gián tiếp qua một ý kiến, một câu danh ngôn, một văn bản...).

- Thứ 2: *phân tích chứng minh* tác dụng ý nghĩa (hoặc là tác hại) của tư tưởng đạo lí, từ đó chỉ ra tầm quan trọng (hoặc hậu quả) của tư tưởng đạo lí đối với đời sống xã hội. Trong quá trình phân tích, để đạt hiệu quả, người viết cần phải có lập luận chặt chẽ và phải lựa chọn được những dẫn chứng cụ thể thuyết phục.

- Thứ 3: *bình luận mở rộng vấn đề*. Để bài viết được sâu sắc người viết còn cần phải đặt vấn đề bàn luận trong một tình huống khác, hoặc trong một mối quan hệ khác để có thể đưa ra ý kiến đánh giá khách quan và chính xác nhất. Vì trên thực tế có những tư tưởng đạo lí đúng trong thời đại này nhưng lại hạn chế trong thời đại khác, phù hợp với hoàn cảnh này nhưng lại không thích hợp trong hoàn cảnh khác.

* **Phần kết đoạn:** Đoạn văn nghị luận xã hội thường khép lại bằng bài học thực tế được rút ra sau khi đã khái quát được ý nghĩa tư tưởng của đối tượng nghị luận. Đây cũng chính là vấn đề cơ bản của văn nghị luận nói chung và nghị luận xã hội bàn luận về một tư tưởng, một đạo lí, một lối sống... nói riêng; bởi mục đích của việc nghị luận là rút ra những kết luận đúng để thuyết phục người đọc áp dụng vào thực tiễn cuộc sống. Do đó sau khi triển khai làm rõ vấn đề nghị luận, *người viết phải rút ra được những bài học thiết thực*, có ý nghĩa xã hội cho bản thân.

3. Các dạng đề thường gặp và cách làm cụ thể.

Căn cứ vào nội dung ý nghĩa của vấn đề có thể chia kiểu bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí thành ba dạng bài chính như sau: dạng bài bàn về những tư tưởng lối sống lành mạnh mang tính nhân văn; dạng bài bàn về những tư tưởng lệch lạc, lối sống thiếu lành mạnh; dạng bài song song bàn về cả hai lối sống (lành mạnh và thiếu lành mạnh), hai tư tưởng sống (tư tưởng nhân văn và phản nhân văn).

3.1. Dạng đề bài về những tư tưởng lối sống lành mạnh mang tính nhân văn.

a. Dàn ý cơ bản:

* Phần mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu vấn đề (nếu vấn đề nằm trong một ý kiến, một nhận định được đề trong ngoặc kép thì phải dẫn trực tiếp ý kiến, nhận định có chứa tư tưởng đạo lý cần bàn luận).

* Phần thân đoạn:

- Giải thích ngắn gọn cụm từ khóa, ý kiến, nhận định... có chứa tư tưởng đạo lý cần bàn luận.

- Phân tích tác dụng ý nghĩa của tư tưởng đạo lý.

- Chứng minh ý nghĩa của tư tưởng đạo lý và bày tỏ quan điểm của bản thân.

- Bình luận mở rộng vấn đề: phê phán bác bỏ những tư tưởng trái ngược với tư tưởng đề bài nêu ra.

* Phần kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động.

b. Ví dụ:

VD 1: *Hãy viết một đoạn văn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về sức mạnh niềm tin trong cuộc sống.*

b.1.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tư tưởng - niềm tin trong cuộc sống

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong thực tế cuộc sống, trong lịch sử...

b.1.2. Gợi ý cách lập dàn ý:

* Mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu vấn đề - sức mạnh của niềm tin trong cuộc sống.

* Thân đoạn.

- Giải thích:

+ *Niềm tin*: là sự tin tưởng, tin nhiệm vào những điều có thể làm trong cuộc sống dựa trên cơ sở hiện thực nhất định.

+ *Sức mạnh niềm tin* trong cuộc sống là sức mạnh tinh thần giúp con người làm được những điều mong ước, hoàn thành những dự định.

+ Biểu hiện của sức mạnh niềm tin trong cuộc sống: luôn lạc quan yêu đời, không gục ngã trước bất kỳ khó khăn thử thách nào; tinh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra...

- Phân tích chứng minh ý nghĩa của sức mạnh niềm tin trong cuộc sống:

+ Niềm tin sẽ tạo ra sức mạnh giúp con người vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Vì cuộc sống luôn tiềm ẩn những khó khăn, thử thách có thể cản trở, thậm chí có thể làm tổn

thương con người... nên để vượt qua khó khăn con người cần có niềm tin vào chính mình, tin ở tương lai, tin vào những điều tốt đẹp...

+ Niềm tin cũng góp phần duy trì mối quan hệ tốt đẹp giữa con người với con người, giúp mỗi con người có cái nhìn lạc quan hơn về cuộc sống. Và chắc chắn khi có được một tinh thần thoải mái, có những suy nghĩ tích cực chúng ta sẽ có thể làm nên những điều tuyệt vời cho bản thân, cho gia đình và cho cả xã hội.

- Bàn luận mở rộng vấn đề:

+ Niềm tin giúp con người có thêm sức mạnh để vượt qua những thử thách trong cuộc sống, nhưng không phải con người chỉ có niềm tin là đủ.

+ Niềm tin phải dựa trên cơ sở thực tế, không thể mù quáng tin vào những điều trống rỗng hoặc ảo tưởng về chính mình ...

* Kết đoạn:

Bài học nhận thức và hành động: Cần phải biết sống có niềm tin, nhưng đó phải là niềm tin được dựng xây trên cơ sở thực tế.

VD2: *Viết một đoạn văn ngắn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của anh/chị về câu nói: “Nghị lực giúp cho con người có thể vượt qua hoàn cảnh khó khăn mà nhiều khi tưởng mình có thể không vượt qua nổi”.*

b.2.1. Xác định yêu cầu của đề.

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tương - vai trò của nghị lực trong cuộc sống của mỗi con người.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: viết một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong đời sống thực tế trong và ngoài nước, trong sử sách...

b.2.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn:

Dẫn dắt giới thiệu câu nói: *“Nghị lực giúp cho con người có thể vượt qua hoàn cảnh khó khăn mà nhiều khi tưởng mình có thể không vượt qua nổi”.*

* Thân đoạn:

- Giải thích:

+ *Nghị lực* là sức mạnh tinh thần tạo cho con người ý chí mạnh mẽ, sự kiên quyết trong hành động, bản lĩnh dám đối mặt và vượt qua mọi khó khăn thử thách để đi đến thành công.

+ *Nội dung của câu nói*: Cuộc sống luôn có những khó khăn thử thách, nhiều khi đó là khó khăn, bất hạnh lớn tưởng chừng con người không thể vượt qua. Nhưng nếu có nghị lực, có bản lĩnh dũng cảm đối mặt với khó khăn thử thách và sẵn sàng vượt qua khó khăn,

bất hạnh bằng mọi giá thì chắc chắn con người sẽ vượt được qua tất cả để đến với thành công.

- Phân tích chứng minh:

+ *Khẳng định ý nghĩa của câu nói*: Câu nói là lời khẳng định về vai trò và ý nghĩa to lớn của nghị lực sống.

- Nghị lực tạo cho con người bản lĩnh và lòng dũng cảm để đương đầu với khó khăn, thử thách trong cuộc sống.
- Nghị lực còn giúp con người khắc phục khó khăn, thử thách, rèn cho con người niềm tin, thúc đẩy con người luôn hướng về phía trước, vững tin vào tương lai.
- Nghị lực còn giúp con người có niềm tin vào chính bản thân mình, dám nghĩ, dám làm, tự tin vào công việc mình lựa chọn, lạc quan trong mọi tình huống....

-> Nghị lực là một trong những yếu tố quan trọng giúp con người vượt qua khó khăn trước mắt để đi đến thành công.

+ Dẫn chứng chứng minh (có thể sử dụng một trong những dẫn chứng sau):

- *Chàng trai Nguyễn Sơn Lâm chỉ cao chưa đầy một mét, đi phải chống nạng nhưng lại giỏi ba thứ tiếng, từng thi Việt Nam Idol 2010 và năm 2011 anh đã chinh phục được đỉnh Phanxipang, trở thành người khuyết tật đầu tiên ở Việt Nam đặt chân lên đỉnh núi này mà không cần đến sự giúp đỡ của người khác.*

- *Hoặc dẫn chứng về chàng trai không tay, không chân Nick Jivucic, thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký, cụ Đồ Chiểu, chủ tịch Hồ Chí Minh...*

- Bình luận mở rộng vấn đề: phê phán những người sống thiếu nghị lực, hèn nhát, bị khuất phục trước hoàn cảnh khó khăn để cuộc sống tốt đẹp tuột khỏi tầm tay....

* Kết đoạn:

- Bài học nhận thức: nghị lực có vai trò quan trọng trong cuộc sống của con người.

- Hành động: tôi luyện cho bản thân một nghị lực sống vững vàng, học tập theo những tấm gương sống nghị lực, mạnh dạn phê phán những kẻ sống yếu đuối thiếu tự tin.

3.2. Dạng đề bàn về những tư tưởng lệch lạc, lối sống thiếu lành mạnh....

a. Dàn ý cơ bản:

* Mở đoạn: Dẫn dắt nêu vấn đề.

* Thân đoạn:

- Giải thích ngắn gọn nội dung tư tưởng hoặc lối sống được đề cập đến trong đề.

- Phân tích, chứng minh tác hại, ảnh hưởng xấu... của tư tưởng, lối sống...

- Bình luận mở rộng vấn đề: biểu dương ca ngợi tư tưởng sống nhân văn, lối sống lành mạnh... đối lập với tư tưởng lệch lạc, lối sống thiếu lành mạnh đã nêu ở đề bài.

* Kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động.

b. Ví dụ.

VD1: “Những người bạn giả dối giống như những chiếc bóng: chúng theo gót ta ra ngoài nắng ấm, và rời bỏ ta ngay khi ta bước vào bóng râm” (C.Bôvi).

Hãy trình bày ý kiến của anh/chị về quan điểm trên của C.Bôvi bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

b.1.1. Xác định yêu cầu của đề:

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tương - quan niệm về quan hệ ứng xử, tình bạn, tình người, về cách sống ở đời.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác phân tích, giải thích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: viết một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong thực tế đời sống, trong lịch sử...

b.1.2. Gợi ý cách lập dàn ý:

* Mở đoạn:

- Dẫn dắt giới thiệu câu nói của C.Bôvi “*Những người bạn giả dối giống như những chiếc bóng: chúng theo gót ta ra ngoài nắng ấm, và rời bỏ ta ngay khi ta bước vào bóng râm*”.

- Khái quát nội dung câu nói của C.Bôvi: phê phán bản chất của những kẻ cơ hội, thiếu nhân cách, giả dối trong tình bạn.

* Thân đoạn:

- Giải thích làm rõ nội dung của câu nói:

+ *Giả dối* là không chân thực, nhằm mục đích đánh lừa. “*Những người bạn giả dối*” là những người sống với bạn không thật lòng, chỉ dựa trên danh nghĩa tình bạn để lợi dụng nhằm thực hiện những mưu đồ lợi ích riêng tư cho bản thân.

+ *Những người bạn giả dối giống như những chiếc bóng: chúng theo gót ta ra ngoài nắng ấm, và rời bỏ ta ngay khi ta bước vào bóng râm*:

- Nghĩa tường minh: khi ta ra ngoài nắng ấm thì chiếc bóng luôn luôn xuất hiện ở bên cạnh ta; nhưng khi ta vào bóng râm, phản chiếu của ánh nắng không còn thì bóng của ta cũng sẽ mất đi. Đó là một hiện tượng vật lí khách quan mang tính tất yếu.
- Hàm ý: “*Nắng ấm*” có thể hiểu đó là khi ta có cuộc sống thành đạt, khá giả, sung túc, vinh quang... lúc ấy, “*những người bạn giả dối*” sẽ bám theo ta để nương nhờ lợi dụng ta vì lợi ích nào đó của chính bản thân họ. Ngược lại “*bóng râm*” có thể hiểu đó là lúc ta rơi vào cảnh thất cơ, lỡ vận, khó khăn, hoạn nạn... sự giả dối ấy của họ tất yếu hiện hình lộ rõ, họ sẽ “*rời bỏ ta*” vì họ biết rằng có bám theo ta cũng không có thêm được lợi ích gì.

- Phân tích, chứng minh những biểu hiện của sự giả dối của tình bạn: trong cuộc sống, trong học tập...

- Bình luận vấn đề:

+ Khẳng định ý nghĩa của vấn đề: Câu nói của C.Bôvi nhằm lên án, phê phán bản chất của những kẻ cơ hội, những người dựa trên danh nghĩa tình bạn để lợi dụng cho cá nhân một

cách thấp hèn, ích kỉ...qua đó C.Bôvi muốn cảnh báo về cách chọn bạn để sống và nhấn nhủ để người đời hiểu đúng về tình bạn và sống với bạn cho ra nhân cách con người.

+ Mở rộng vấn đề: Ca ngợi lối sống chân thành trước sau như một.

* Kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: tác hại của một tình bạn giả dối.

- Hành động: xây dựng tình bạn chân chính.

VD2: *Viết một đoạn văn khoảng 200 chữ bày tỏ suy nghĩ của anh/chị về sự ghen tị.*

b.2.1. Xác định yêu cầu của đề:

- Yêu cầu về nội dung: Đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tư tưởng, một thói xấu của con người - thói ghen tị.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác giải thích, chứng minh, phân tích, bình luận...

+ Dung lượng: viết đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong đời sống, trong lịch sử...

b.2.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn:

Dẫn dắt nêu vấn đề: ghen tị.

* Thân đoạn:

- Giải thích:

+ *Ghen tị*: là ghen ghét, đố kị, hậm hực, uất ức... khi thấy người khác hơn mình về điều gì đó như tài năng, tiền bạc, sự thành đạt, địa vị, uy tín... Tính ghen tị hình thành bởi cảm giác kém vui, căm ghét, bực bội, cảm giác tức giận xen lẫn xấu hổ khi so sánh, tị nạnh với những người quen biết xung quanh. Thói ghen tị rất dễ nảy sinh trong con người và thường ở những người không biết điều chỉnh bản thân, không biết mình, biết người, sống ích kỉ, hẹp hòi...

+ Nêu những biểu hiện của thói ghen tị: trong học tập, trong cuộc sống....

- Phân tích chứng minh tác hại của thói ghen tị:

+ Thói ghen tị làm tổn hại thể chất lẫn tinh thần của con người. Khi ghen tị, con người sẽ luôn chìm ngập trong các cảm xúc tiêu cực (buồn bực, lo lắng, căm ghét...). Những cảm giác này khiến người ghen tị mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần.

+ Thói ghen tị cũng làm con người trở nên tầm thường, thậm chí ích kỉ và độc ác với những hành động đại dột để hãm hại kẻ hơn mình, nó làm thui chột nhiều tình cảm tốt đẹp, nhiều mối quan hệ thiêng liêng (VD).

+ Thói ghen tị còn kìm hãm sự phát triển của người khác, của chính bản thân mình, là một trong những nguyên nhân dẫn đến kìm hãm sự phát triển của xã hội.

-> Bởi vậy trong học tập và rèn luyện để hoàn thiện nhân cách chúng ta phải dũng cảm, kiên quyết loại bỏ thói ghen tị.

- Bình luận mở rộng vấn đề:

+ Cần phải phân biệt giữa ghen tị với thi đua

“Giữa lòng ghen tị và sự thi đua có một khoảng cách xa như giữa tật xấu và đức hạnh”

(La Bruy-e).

+ Cần học tập theo lối sống nhân văn lành mạnh của những người biết học cái hay của người khác để bổ sung mặt yếu của mình, biết mừng cho thành công của người khác...

* Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: tác hại của thói ghen tị.

- Hành động: biết biến ganh đua thành thi đua lành mạnh, không làm tổn hại đến mình và người vì những suy nghĩ ích kỉ cá nhân.

Một số lưu ý:

- Về việc phân chia: việc phân chia thành dạng bài - nghị luận về một tư tưởng đạo lí bàn luận về những tư tưởng sống, lối sống lành mạnh mang tính nhân văn và bàn luận về những tư tưởng sống, lối sống lệch lạc phản nhân văn, về cơ bản cũng chỉ có tính chất tương đối. Vì trên thực tế có những tư tưởng, lối sống tích cực trong hoàn cảnh này nhưng lại không có ý nghĩa thiết thực trong hoàn cảnh khác; ngược lại cũng có những tư tưởng không có ý nghĩa trong hoàn cảnh này nhưng lại cần thiết trong những hoàn cảnh nhất định, bởi vậy:

+ Để đánh giá ý nghĩa của tư tưởng đạo lí cần bàn luận một cách chính xác, khách quan, người viết phải dựa trên căn cứ là quan niệm đạo đức truyền thống của dân tộc và phải xuất phát từ lợi ích chung của xã hội của cộng đồng để giải quyết vấn đề.

+ Ngoài ra để việc đánh giá đảm bảo được tính chân thực, toàn diện và có ý nghĩa nhân văn, trong quá trình bàn bạc người viết cần đặt vấn đề nghị luận trên cơ sở đời sống thực tế, soi chiếu vấn đề trong những tình huống, hoàn cảnh khác nhau để đánh giá, ví dụ:

- Nếu đề yêu cầu người viết *bày tỏ suy nghĩ về lối sống thật thà*, chắc chắn, người viết, bằng lập luận, lí lẽ, dẫn chứng... phải khẳng định được ý nghĩa và sự cần thiết phải sống thật thà. Tuy vậy người viết cũng cần làm sáng tỏ một vấn đề có ý nghĩa thực tế, đó là thật thà không có nghĩa là nghĩ gì nói đấy, bạ đâu nói đó, đặc biệt nếu sự thật được nói ra có thể làm tổn thương người nghe thì việc thật thà trong tình huống này lại thật tai hại.
- Nhưng nếu đề lại đặt ra tình huống là: *Bày tỏ suy nghĩ về lời nói dối* thì đương nhiên, người viết (như đã nói ở trên) phải làm rõ được những tác hại mà lời nói dối có thể gây ra cho người phát ngôn. Tuy vậy, người viết cũng cần khẳng định: nói dối đôi khi cũng cần thiết trong cuộc sống - ấy là khi lời nói dối không những không làm tổn hại mà còn có ý nghĩa nhất định với người nghe.

- Về nội dung nghị luận: có khi đề bài sẽ đặt ra một nội dung mang tính đối thoại - vấn đề nghị luận đặt ra trong đề bài không hoàn toàn đúng cũng không hoàn toàn sai, hoặc đúng, sai tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể. Để làm được dạng đề này, ngoài việc hiểu đề, người viết còn cần phải bày tỏ được chính kiến rõ ràng dựa trên sự hiểu biết thực tế của bản thân

(đồng tình, không đồng tình hay chỉ đồng tình một phần nào đó). Và cách triển khai thông thường của dạng đề là người viết, trên cơ sở làm rõ ý nghĩa (hoặc hạn chế nhất định) của vấn đề trong từng tình huống cụ thể sẽ bày tỏ quan điểm, chính kiến và rút ra những bài học thiết thực cho bản thân và cộng đồng.

Ví dụ, đề cũng có thể đặt ra tình huống sau để thử thách học sinh: Có ý kiến cho rằng: *học thầy không tày học bạn*; Nhưng lại có ý kiến khác cho rằng: *tự học là chìa khóa của thành công*. Với yêu cầu như trên, người viết, phải trên cơ sở trình bày những hiểu biết về từng phương pháp học cụ thể (học thầy, học bạn, tự học) chỉ ra ưu thế của mỗi phương pháp học cũng như những tồn tại nhất định của từng phương pháp học ấy, từ đó bày tỏ quan điểm của mình về phương pháp học hiệu quả, thiết thực.

1.3.3. Dạng đề đề cập đến cả hai phương diện của tư tưởng sống (nhân văn và lệch lạc phản nhân văn), hai lối sống (lành mạnh và thiếu lành mạnh).

Trong đề thi THPTQG, từ khi thay đổi hình thức và cấu trúc - yêu cầu học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội; dạng đề nghị luận về một tư tưởng, đạo lí đề cập đến cả hai phương diện của tư tưởng sống (nhân văn và lệch lạc), hai lối sống (lành mạnh và thiếu lành mạnh)... đã ít xuất hiện hơn. Vì như trên đã nói, một đoạn văn thường chỉ tập trung làm sáng tỏ một luận điểm, diễn đạt một ý trọn vẹn - nhất là đoạn văn nghị luận trong đề thi THPTQG lại nằm trong khung giới hạn (khoảng 200 chữ). Song để chuẩn bị cho các em học sinh một tâm thế sẵn sàng đối mặt với những đổi thay có thể diễn ra với đề thi (yêu cầu học sinh phải cô đọng được kiến thức và linh hoạt trong xử lý tình huống đề bài đặt ra), tôi vẫn mạnh dạn đưa ra hướng giải quyết với dạng đề này như sau:

a. Dàn ý:

* Mở đoạn: Dẫn dắt giới thiệu vấn đề (hai tư tưởng sống, hai thái độ sống đối lập nhau).

* Thân đoạn:

- Giải thích cả hai tư tưởng sống (hoặc lối sống) đề bài đưa ra.

- Phân tích chứng minh:

+ Ý nghĩa tích cực của tư tưởng sống nhân văn, lối sống lành mạnh (VD).

+ Tác hại, ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng sống lệch lạc, lối sống thiếu lành mạnh (VD).

- Bình luận mở rộng vấn đề.

* Kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động.

b. Ví dụ.

VD1: *“Kẻ cơ hội thì nôn nóng tạo ra thành tích, người chân chính thì kiên nhẫn lập nên thành tựu”.*

Hãy viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.

b.1.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tư tưởng - quan niệm về lối sống của những kẻ cơ hội và cách ứng xử của người chân chính.

- Yêu cầu về hình thức:
+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: triển khai trong phạm vi một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong thực tế đời sống, trong lịch sử...

b.1.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn:

Dẫn dắt giới thiệu vấn đề, trích dẫn câu nói.

* Thân đoạn:

- Giải thích:

+ *Kẻ cơ hội* là người lợi dụng thời cơ để mưu cầu lợi ích trước mắt, bất kể việc làm đúng hay sai; *người chân chính* là người luôn biết sống đúng với thực chất và phù hợp với những giá trị xã hội; *thành tích* là những kết quả được đánh giá tốt; *thành tựu* là những thành quả có ý nghĩa lớn, đạt được sau một quá trình bền bỉ phấn đấu.

+ *Nội dung ý kiến*: chỉ ra sự đối lập về lối sống và cách hành xử trong công việc giữa những kẻ cơ hội người chân chính.

- Phân tích, bình luận:

+ *Kẻ cơ hội thì nôn nóng tạo ra thành tích*:

- Do thói vụ lợi bất chấp đúng sai nên trong công việc, kẻ cơ hội không cầu “*kết quả tốt*” mà chỉ nôn nóng được “*đánh giá tốt*”. Bởi thế loại người này thường chỉ tạo ra thành tích giả.
- Về thực chất, cách hành xử ấy là lối sống giả dối, là thói ăn gian làm dối khiến cho thật giả bất phân, làm băng hoại các giá trị trong xã hội; đó chính là sự suy đồi về đạo đức, cần phải được loại bỏ.

+ *Người chân chính thì kiên nhẫn lập nên thành tựu*:

- Coi trọng chất lượng thật, kết quả thật là đức tính của người chân chính. Bởi thế họ thường kiên nhẫn trong mọi công việc để làm nên những kết quả thực sự, những thành quả có ý nghĩa lớn. Đối với họ, chỉ có những thành quả thực mới tạo nên giá trị thực cho con người, dù có khi phải trả giá đắt.
- Về thực chất, cách hành xử ấy thuộc về lối sống chân thực, trung thực, biểu hiện của những phẩm chất cao quý; giúp tạo nên những thành quả thực, những giá trị thực cho bản thân và cộng đồng, góp phần thúc đẩy xã hội phát triển. Đây là lối sống cao đẹp cần phải phát huy và học tập.

* Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức rõ những biểu hiện tiêu cực và sự thấp hèn trong cách hành xử của những kẻ cơ hội và dám dũng cảm phê phán, lên án lối sống cơ hội, nôn nóng chạy theo thành tích giả.

- Nhận thức rõ những biểu hiện tích cực và sự cao cả trong lối sống, cách ứng xử của những người chân chính; từ đó học tập, rèn luyện cho bản thân thái độ kiên nhẫn trong mọi tình huống để có thể lập nên những thành tựu, thành quả thực.

VD2: Bàn về sự bình tĩnh và nôn nóng của con người trong cuộc sống hiện đại bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

b.2.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một vấn đề thuộc tư tưởng - quan niệm về sự bình tĩnh và nôn nóng của con người.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: trình bày trong phạm vi một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về dẫn chứng: trong thực tế đời sống, trong lịch sử...

b.2.2. Gợi ý dàn ý:

* Mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu vấn đề - sự bình tĩnh và nôn nóng.

* Thân đoạn.

- Giải thích:

+ *Bình tĩnh* là thái độ của con người - không tỏ ra bối rối trong mọi tình thế, luôn làm chủ được hành động và cảm xúc của mình.

+ *Nôn nóng* là trạng thái tâm lý nóng vội, muốn cho xong ngay, được ngay mọi việc.

-> Bình tĩnh và nôn nóng là hai trạng thái tâm lý trái ngược thường gặp ở con người, biểu hiện rõ nhất khi phải đối diện với những tình huống éo le, bất thường.

- Phân tích, bình luận:

+ *Tác dụng của thái độ bình tĩnh*: bình tĩnh là nét tâm lí luôn có ảnh hưởng tích cực tới kết quả của công việc. Vì bình tĩnh làm trí óc ta tỉnh táo để đưa ra những quyết định sáng suốt. Trong nhịp sống hiện đại ô ạt ngày hôm nay, có giây phút bình tĩnh xem lại mình, sẽ giúp mỗi con người nhận ra những đúng sai trong cách ứng xử (VD).

+ *Tác hại của thái độ nôn nóng*: nôn nóng là nét tâm lí thường gây tác hại tới kết quả công việc. Vì không chịu được sự chờ đợi, nên thường nóng vội đưa ra những quyết định sai lầm, gây hậu quả đáng tiếc. Thậm chí sai lầm nối tiếp sai lầm sẽ kéo theo thất bại chông chênh, khó có cơ hội cứu vãn (VD).

- Bình luận mở rộng vấn đề: cần phân biệt bình tĩnh với chậm chạp, nôn nóng với quyết đoán.

* Kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: bình tĩnh để được việc, nôn nóng dễ hỏng việc.

- Bài học: con người cần luyện đức tính nhẫn nại, cẩn trọng trong mọi tình huống.

2. Dạng bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống.

2.1. Khái niệm:

Nghị luận về một hiện tượng đời sống là kiểu bài nghị luận có nội dung bàn bạc về một hiện tượng, một vấn đề có tính thời sự, được dư luận xã hội trong nước cũng như cộng đồng quốc tế quan tâm.

2.2 . Cách viết đoạn văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống:

Thông thường, một đoạn văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội đòi hỏi người viết phải: nêu rõ được những hiểu biết về hiện tượng; phân tích được mặt đúng - sai, lợi - hại; chỉ ra được nguyên nhân, tác động của hiện tượng; bày tỏ được thái độ, ý kiến của người viết về hiện tượng xã hội được đề cập đến. Bởi vậy, cấu trúc chung của một đoạn văn nghị luận về một hiện tượng trong đời sống xã hội thường là:

- * Mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu hiện tượng.
- * Thân đoạn:
 - Giải thích, nêu hiểu biết về hiện tượng.
 - Phân tích hiện tượng:
 - + Thực trạng, mức độ ảnh hưởng của hiện tượng.
 - + Nguyên nhân dẫn đến hiện tượng (nguyên nhân khách quan, chủ quan, nguyên nhân bên trong, bên ngoài...).
 - + Tác động của hiện tượng đến đời sống xã hội (tích cực hoặc tiêu cực).
 - + Biện pháp (phát huy hoặc khắc phục).
 - Bình luận: Đánh giá chung về hiện tượng, bày tỏ thái độ của người viết về hiện tượng được đề cập đến.
- * Kết đoạn: Rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

2.3. Các dạng bài thường gặp và cách làm cụ thể.

Căn cứ vào nội dung, ý nghĩa của vấn đề bàn luận có thể chia kiểu bài nghị luận về một hiện tượng trong đời sống thành ba dạng bài: dạng bài bàn luận về một hiện tượng tích cực trong đời sống xã hội, dạng bài bàn luận về một hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, dạng bài song song bàn luận về một hiện tượng vừa có mặt tích cực vừa tiềm ẩn mặt tiêu cực.

2.3.1. Dạng bài bàn luận về một hiện tượng tích cực trong đời sống xã hội.

a. Dàn ý:

- * Mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu hiện tượng.
- * Thân đoạn:
 - Giải thích, nêu hiểu biết về hiện tượng.
 - Phân tích hiện tượng:
 - + Làm rõ thực trạng của hiện tượng và chỉ nguyên nhân dẫn đến hiện tượng.
 - + Khẳng định ý nghĩa, tác động tích cực của hiện tượng.
 - + Đề xuất phương hướng để phát huy mặt tích cực và nhân rộng hơn nữa hiện tượng.

- Bình luận: đánh giá chung về hiện tượng; bày tỏ thái độ đồng tình biểu dương trước hiện tượng được đề cập đến và phê phán, lên án những hiện tượng tiêu cực đối lập với đề bài.

* Kết đoạn: rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

b. Ví dụ:

VD1: *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về phong trào tiếp sức mùa thi của thanh niên Việt Nam.*

b.1.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: Bàn luận về một hiện tượng trong đời sống - hoạt động tình nguyện của thanh niên thông qua phong trào tiếp sức mùa thi.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác giải thích, phân tích, bình luận, chứng minh...

+ Dung lượng: trình bày trong phạm vi một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong thực tế đời sống, trong sách báo, những hiểu biết của bản thân...

b.1.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn:

Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận: phong trào tiếp sức mùa thi của thanh niên Việt Nam.

* Thân đoạn:

- Làm rõ vấn đề nghị luận: *phong trào tiếp sức mùa thi* là phong trào lập ra nhằm giúp đỡ các thí sinh từ các tỉnh lẻ về thành phố lớn để dự thi Đại học, Cao đẳng... Tạo điều kiện cho các thí sinh có nơi ăn, chốn ở ổn định. Đặc biệt phong trào còn góp phần hỗ trợ để ngành giáo dục có thể tổ chức kỳ thi an toàn, hiệu quả.

- Phân tích hiện tượng:

+ Thực trạng:

• Phong trào tiếp sức mùa thi ngày càng thu hút được nhiều đối tượng tham gia. (*Theo báo Giáo dục số ra ngày 16/7/2018 chỉ tính riêng năm 2018 phong trào tiếp sức mùa thi đã thu hút được hơn 20.000 sinh viên tình nguyện. Họ thành lập thành 470 đội hình tình nguyện, tỏa ra 63 tỉnh thành, hỗ trợ hơn 925.000 thí sinh trong kỳ thi THPTQG.*)

• Hình thức hoạt động của phong trào ngày càng phong phú, đa dạng (liệt kê một số hình thức hoạt động cụ thể của phong trào): *tìm đặt trước nhà trọ giá rẻ cho thí sinh; lập các trạm tiếp sức tại bến xe, bến tàu để đón tiếp thí sinh; tình nguyện làm xe ôm miễn phí đưa đón thí sinh đến các điểm thi hay về nơi nghỉ trọ; phát bản đồ, nước uống miễn phí và hướng dẫn thí sinh tận tình...*

+ Nguyên nhân: chương trình tiếp sức mùa thi bắt nguồn từ hoàn cảnh khó khăn của các bạn học sinh khi về thành phố dự thi (không tìm được điểm thi, không tìm được nhà trọ, không đủ kinh phí để trang trải cho cuộc sống đắt đỏ ở thành phố trong những ngày đi thi, thậm chí bị lừa gạt, bị lợi dụng...).

+ Tác động tích cực của phong trào: những việc làm của các thanh niên tình nguyện, các tổ chức, cá nhân trong phong trào tiếp sức mùa thi tuy không to tát nhưng lại có ý nghĩa lớn lao (có thể liệt kê một vài tác động tích cực của phong trào):

- Giải quyết phần nào khó khăn cho các bạn học sinh tỉnh lẻ khi đến thành phố dự thi, thấp sáng niềm tin cho các em trên chặng đường đầu tiên bước vào đời.
- Góp phần không nhỏ giúp cho ngành giáo dục tổ chức thành công các kỳ thi lớn.
- Góp phần xây dựng những hình ảnh đẹp về một thế hệ trẻ Việt Nam - những con người nhiệt huyết, không ngại khó, không sợ khổ...
- Góp phần duy trì truyền thống quý báu của thanh niên Việt Nam “*đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên*”.
- Tạo nền tảng tốt đẹp để thế hệ sau học tập và noi theo.

+ Giải pháp để phát huy và nhân rộng hiện tượng:

- Tuyên truyền để tất cả mọi người, đặc biệt là thế hệ thanh niên hiểu được ý nghĩa tích cực của phong trào để phong trào ngày càng thu hút được nhiều đối tượng tham gia.
- Các đơn vị nhà trường, các tổ chức xã hội cũng cần có hình thức động viên khuyến khích kịp thời các cá nhân tham gia nhiệt tình, hoạt động có hiệu quả.

- Bình luận mở rộng vấn đề: cần loại bỏ, lên án những biểu hiện lợi dụng danh nghĩa của phong trào vì mục đích cá nhân, làm mất đi ý nghĩa thiết thực của phong trào và vẻ đẹp trong lối sống mang tính truyền thống của người Việt Nam.

* Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: ý nghĩa tích cực của phong trào tiếp sức mùa thi.

- Hành động: cần học tập và làm theo những tấm gương vượt khó trong phong trào tiếp sức mùa thi, đồng thời mạnh dạn lên án những hành động và lối sống thực dụng, ích kỷ...

VD2: *Hiện nay, ở nước ta có nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.*

Anh/chị hãy trình bày suy nghĩ về vấn đề đã nêu trên bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

b.2.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đối tượng nghị luận là một hiện tượng trong đời sống - giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: sử dụng kết hợp các thao tác lập luận giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận...

+ Dung lượng: Trình bày trong phạm vi một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: trong đời sống thực tế, qua sách báo, qua những trải nghiệm thực tế của bản thân...

b.2.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn: Giới thiệu vấn đề - nghĩa cử cao đẹp của các cá nhân, tập thể thông qua việc xây dựng những mái ấm tình thương để giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống.

* Thân đoạn:

- Làm rõ thực trạng của hiện tượng: tỷ lệ thuận với sự gia tăng không ngừng của đối tượng trẻ em lang thang kiếm sống là sự xuất hiện ngày càng nhiều các cá nhân, tổ chức thu nhận trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống trong các thành phố, thị trấn về những mái ấm tình thương để nuôi dạy. *(Theo thống kê của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, hiện nay trên cả nước đã hình thành được 402 cơ sở bảo trợ xã hội, trong đó có 233 cơ sở ngoài công lập bao gồm cả các cơ sở của các tôn giáo. Những cơ sở này mỗi năm đã giải quyết cho từ 5.000 đến 6.000 trẻ em cơ nhỡ có nơi nương tựa).*

- Nguyên nhân:

+ Xuất phát từ tình cảnh đáng thương, tội nghiệp của những em nhỏ không có nơi nương tựa, không được học hành, sống thiếu tình thương, thiếu ăn, thiếu mặc...

+ Xuất phát từ những nguy cơ có thể xảy đến với trẻ em lang thang cơ nhỡ:

- Trẻ em đường phố đối diện với nguy cơ thất học cao và dễ bị rơi vào các tệ nạn xã hội.
- Trẻ em đường phố đang có nguy cơ phạm tội ngày càng gia tăng, nạn xin ăn tràn lan làm ảnh hưởng tới văn minh đô thị.
- Trẻ em bị bóc lột sức lao động và nguy cơ bị xâm hại tình dục rất cao.

+ Xuất phát từ yêu cầu thực tế: về việc ổn định trật tự xã hội, văn minh đô thị, phát triển văn hóa...

- Ý nghĩa:

+ Chăm sóc và bảo vệ trẻ em cơ nhỡ không chỉ có ý nghĩa xã hội, ý nghĩa kinh tế mà quan trọng hơn là giúp cho các em hướng thiện, đưa các em đi đúng quỹ đạo phát triển tích cực của xã hội.

+ Thể hiện tình cảm tương thân tương ái, *lá lành đùm lá rách*... vốn là truyền thống tốt đẹp ngàn đời của dân tộc Việt Nam.

+ Góp phần giảm bớt nỗi bất hạnh mà trẻ em lang thang cơ nhỡ sớm phải gánh chịu. Từ đó đem đến cho các em có cơ hội sống một cuộc sống hạnh phúc, giúp các em có môi trường lành mạnh để phát triển nhân cách, để hòa nhập với xã hội.

+ Góp phần giảm thiểu các tệ nạn xã hội.

- Giải pháp để phát huy và nhân rộng hiện tượng:

+ Tuyên truyền để tất cả mọi người hiểu được ý nghĩa của việc quan tâm giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ.

+ Cần tăng cường kêu gọi các cá nhân, tổ chức, các mạnh thường quân... chung tay giúp đỡ trẻ em cơ nhỡ, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Đẩy mạnh hơn nữa việc thành lập quỹ từ thiện dành cho trẻ em cơ nhỡ, trẻ nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn...

+ Tăng cường thành lập đội thanh niên tình nguyện, các tổ chức thiện nguyện...

* Kết đoạn: Bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: có cái nhìn đúng đắn về hiện tượng trẻ em lang thang cơ nhỡ, từ đó nâng cao tình cảm và trách nhiệm với hiện tượng này.

- Hành động:

+ Chung tay cùng xã hội giúp đỡ trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ nhỏ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

+ Lên án và kịp thời phát hiện, tố cáo những kẻ bóc lột sức lao động, xâm hại trẻ em...

2.3.2. Dạng bài bàn luận về một hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội.

a. Dàn ý:

* Mở đoạn: dẫn dắt giới thiệu hiện tượng.

* Thân đoạn:

- Giải thích, nêu hiểu biết về hiện tượng.

- Phân tích hiện tượng:

+ Làm rõ thực trạng của hiện tượng và chỉ ra nguyên nhân dẫn đến hiện tượng.

+ Chỉ ra tác hại của hiện tượng và những hậu quả mà hiện tượng gây ra.

+ Đề xuất giải pháp để khắc phục hậu quả (lưu ý: giải pháp phải thiết thực, khả thi, phù hợp với điều kiện của gia đình nhà trường, đất nước; phù hợp với đạo lí, lối sống, thuần phong mỹ tục... của người Việt).

- Bình luận: đánh giá chung về hiện tượng; bày tỏ thái độ lên án phê phán trước hiện tượng được đề cập đến đồng thời biểu dương, ca ngợi những hiện tượng tích cực đối lập với đề.

* Kết đoạn: rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân.

b. Ví dụ:

VD1: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị về tình trạng tai nạn giao thông hiện nay bằng một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ).

b.1.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đề bài yêu cầu người viết nêu lên suy nghĩ, thái độ của mình trước một vấn đề cấp thiết trong đời sống hiện nay - tai nạn giao thông.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: vận dụng kết hợp các thao tác lập luận (phân tích, chứng minh, bình luận...)

+ Dung lượng: trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: lấy từ sách báo, những phương tiện thông tin đại chúng, những hiểu biết thực tế của bản thân....

b.1.2. Gợi ý lập dàn ý:

* Mở đoạn: dẫn dắt, giới thiệu hiện tượng.

* Thân đoạn:

- Giải thích hiện tượng: *tai nạn giao thông* là những sự cố xảy ra ngoài ý muốn của người tham gia giao thông làm thiệt hại tài sản, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, tính mạng của con người.

- Phân tích hiện tượng:

+ Thực trạng của hiện tượng: tai nạn giao thông xảy ra ngày càng nhiều, ở khắp các địa bàn trên cả nước, trên cả đường sắt, đường bộ và đường hàng không. (VD: *Theo báo cáo của Ủy ban an toàn giao thông quốc gia, chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2018 cả nước đã xảy ra gần 9.000 vụ tai nạn giao thông, trong đó đường bộ xảy ra 8.889 vụ, đường sắt xảy ra 62 vụ, đường thủy nội địa xảy ra 40 vụ; làm chết 4.103 người, bị thương 7.027 người*).

+ Nguyên nhân:

- Khách quan: do hệ thống đường giao thông chưa đáp ứng được nhu cầu của xã hội, nhiều phương tiện giao thông không đảm bảo an toàn vẫn tiếp tục lưu hành, thái độ làm việc tắc trách của một bộ phận cán bộ trong ngành giao thông...
- Chủ quan: do người tham gia giao thông coi thường pháp luật, không có ý thức tự giác chấp hành luật khi tham gia giao thông...

+ Hậu quả: tai nạn giao thông hằng năm gây thiệt hại tài sản với số lượng lớn, ảnh hưởng tới sức khỏe và cướp đi tính mạng của nhiều người, gây cảm giác bất an cho người tham gia giao thông...

+ Đề xuất giải pháp để khắc phục hậu quả:

- Với các cơ quan chức năng: tăng cường tuyên truyền phổ biến luật giao thông; cải thiện hệ thống đường giao thông; kiểm định chặt chẽ chất lượng các phương tiện tham gia giao thông; xử phạt nghiêm những cá nhân tập thể vi phạm.
- Với mỗi cá nhân khi tham gia giao thông: cần tuân thủ đúng luật giao thông; đấu tranh phê phán những hiện tượng vi phạm luật giao thông; tuyên truyền để gia đình, người thân, bạn bè... hiểu và chấp hành nghiêm túc luật giao thông.

- Bình luận: Đánh giá chung về hiện tượng.

* Kết đoạn: bài học:

- Nhận thức: hậu quả ghê gớm của tai nạn giao thông.

- Hành động:

+ Chấp hành nghiêm chỉnh luật giao thông.

+ Kiểm tra kỹ chất lượng của phương tiện sử dụng trước khi tham gia giao thông.

+ Tuyên truyền luật giao thông và những hậu quả mà tai nạn giao thông mang lại để mọi người hiểu và cùng tự giác trong việc chấp hành luật giao thông.

VD2: *Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 200 chữ) trình bày suy nghĩ của anh/chị về hiện tượng bạo lực học đường.*

b.2.1. Xác định yêu cầu đề:

- Yêu cầu về nội dung: đề bài yêu cầu người viết nêu lên suy nghĩ, bày tỏ thái độ của mình về một hiện tượng nổi cộm trong đời sống học đường nhiều năm trở lại đây - hiện tượng bạo lực học đường.

- Yêu cầu về hình thức:

+ Thao tác lập luận: vận dụng kết hợp các thao tác lập luận (phân tích, chứng minh, bình luận...).

+ Dung lượng: trình bày trong một đoạn văn khoảng 200 chữ.

- Yêu cầu về phạm vi dẫn chứng: lấy từ sách báo, các phương tiện thông tin đại chúng, thực tế trải nghiệm của bản thân.

b.2.2. Gợi ý lập dàn ý:

- Giải thích hiện tượng: *bạo lực học đường* là những mâu thuẫn căng thẳng dẫn tới va chạm, đụng độ xảy ra trong phạm vi trường học.

- Phân tích hiện tượng:

+ Thực trạng của hiện tượng: diễn ra thường xuyên và có chiều hướng ngày càng gia tăng, trở thành một vấn nạn nhức nhối trong nhà trường và ngoài xã hội (VD: *theo báo cáo sơ bộ khoảng tháng 5/2018 của các cơ quan công an, tại 63 tỉnh thành trên cả nước thì từ năm 2010 đến nay đã có hơn 7.000 học sinh tham gia vào các vụ việc đánh nhau, lôi kéo dọa đánh bạn, quay video clip đánh nhau sau đó tung lên mạng xã hội...*).

+ Nguyên nhân dẫn đến sự gia tăng của hiện tượng (liệt kê một vài nguyên nhân):

- Do không kiểm soát được hành vi trước ảnh hưởng của những nguồn thông tin mang tính bạo lực.
- Do sự buông lỏng quản lý của gia đình, nhà trường, các ban ngành liên quan...
- Do áp lực học tập.
- Do thiếu những sân chơi bổ ích...

+ Hậu quả:

- Làm xáo trộn môi trường giáo dục, khiến các bậc phụ huynh và học sinh lo lắng.
- Ảnh hưởng đến tình cảm bạn bè vốn thiêng liêng trong sáng.
- Bạo lực học đường còn là mầm mống của các hành vi tội ác, gây tác động xấu đến trật tự an ninh xã hội.

+ Giải pháp để khắc phục hậu quả:

- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục học sinh thông qua các buổi sinh hoạt ngoại khóa, giáo dục kỹ năng sống.
- Gia đình, nhà trường và các ban ngành đoàn thể cùng phối hợp trong việc tổ chức những sân chơi lành mạnh, bổ ích phù hợp với lứa tuổi học sinh.

- Bàn luận: đánh giá chung về hiện tượng và bày tỏ quan điểm của bản thân.

* Kết đoạn: rút ra bài học nhận thức và hành động:

- Nhận thức: tác hại của hiện tượng bạo lực học đường.

- Hành động: chung tay xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, văn minh.